**Trường THCS Cẩm Thịnh Gv: Nguyễn Thị Giang**

**Tổ Khoa học Xã hội**

**BÀI 1. THƠ VÀ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

*(Thời gian thực hiện: 13 tiết)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Xác định và phân tích được một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát như: số dòng, số chữ, vần và nhịp trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát. Biết vận dụng kiến thức lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về chữ viết tiếng Việt (chữ Nôm và chữ Quốc ngữ).

- Viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như: lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan đến luận điểm.

**2. Phẩm chất**

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc;

- Trân trọng tình bạn, khát vọng hạnh phúc và tình cảm gia đình.

**Tiết 5,6,7: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1:**

**SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

 **-Khuyết danh-**

**(Thời gian thực hiện: 3 tiết )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học**

- Nhận biết được một số yếu tố về thi luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt như: số dòng, số chữ, vần, nhịp trong một bài thơ.

- Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật của bài thơ. Chỉ ra một quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.

- Nhận biết được ý nghĩa, giá trị và sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như với bản thân.

**b. Năng lực chung**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại thơ thất ngôn tứ tuyệt, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm hoc tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc;

- Thông qua thực hiện các hoạt động dạy học, học sinh được bồi đắp phẩm chất tự chủ, tự học, chăm chỉ, nhân ái, trung thực, trách nhiệm...

 **\* Nội dung tích hợp, lồng ghép:**

**- GDANQP:** - Lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc. khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc VN

- GDTT HCM: Liên hệ với tư tưởng yêu nước, độc lập dân tộc của Bác Hồ

 **\* Giáo dục HS khuyết tật:**

- Nhận biết được nội dung chủ đề và một số yếu tố về thi luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

 - Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Hoạt động 1: MỞ ĐẦU** *(10 phút)*

***a****.* ***Mục tiêu:*** Củng cố lại những đặc trưng của thơ Đường luật, tạo nền tảng kiến thức để HS tiếp tục tìm hiểu về thơ Đường luật qua văn bản “Sông núi nước Nam”; tạo không khí học tập sinh động, hấp dẫn.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH đóng vai, KT đặt câu hỏi yêu cầu HS thực hiện buổi phỏng vấn các nhà thơ nổi tiếng đời Đường.

***c. Sản phẩm:*** Những thông tin về thể thơ Đường luật.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ đã giao trong tiết học trước.

- HS chuẩn bị thực hiện buổi phỏng vấn:

+ Hai HS đóng vai người phỏng vấn

+ Ba HS đóng vai các nhà thơ nổi tiếng đời Đường (Trung Quốc): Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

- HS thực hiện buổi phỏng vấn, HS khác ngồi nghe và ghi chép những thông tin về thơ Đường qua câu trả lời của 3 nhà thơ.

- GV cùng HS theo dõi buổi phỏng vấn, sau đó gọi 1-2 HS chia sẻ trước lớp nội dung ghi chép của mình; Từ đó, nhận xét, đánh giá, khen ngợi và củng cố lại những yếu tố đặc trưng của thể thơ Đường luật bằng bảng tổng hợp và dẫn dắt vào bài.

|  |
| --- |
| **BẢNG TỔNG HỢP KIẾN THỨC NGỮ VĂN****Về thơ Đường luật** |
| **Đặc điểm** | **Biểu hiện** |
| 1. Nguồn gốc | Thời đời Đường, Trung Quốc |
| 2. Thể thơ | Thất ngôn và ngũ ngôn |
| 3. Dạng thơ | Bát cú và tứ tuyệt |
| 4. Bố cục | - Bát cú: Đề – thực – luận – kết- Tứ tuyệt: Khởi – thừa – chuyển – hợp |
| 5. Niêm  | Chữ thứ hai của các cặp câu: 1-8, 2-3, 4-5, 6-7 trong thơ bát cú và 1-4, 2-3 trong thơ tứ tuyệt phải cùng thanh (bằng hoặc trắc) với nhau |
| 6. Luật | Chữ thứ hai của câu thứ nhất trong bài thơ mang thanh nào thì bài thơ được viết theo luật đó |
| 7. Vần | Gieo vần ở chữ cuối cùng của các câu thơ 1,2,4,6,8 trong bài thơ bát cú và 1,2,4 trong bài thơ tứ tuyệt |
| 8. Nhịp | 4/3 hoặc 2/3 |
| 9. Đối | Phần thực và luận trong bài thơ bát cú đối về: âm, từ loại, nghĩa. |

**PHỤ LỤC:**

**MỘT SỐ GỢI Ý CHO NỘI DUNG PHỎNG VẤN**

***\* Lời giới thiệu:*** Triết gia người Mĩ Will Durant từng nói: “Khắp thế giới đâu thấy được một thứ thơ nào so sánh được với thứ thơ đó về cách diễn tả thanh nhã, tế nhị, về những tình cảm dịu dàng điều độ, về sự bình dị và cô đọng của một câu ngắn thôi mà bao trùm được tư tưởng cân nhắc kĩ lưỡng.” Có phải thế chăng mà cho đến nay, nhiều văn bản Đường thi vẫn như những nguồn suối không cạn, có sức hút lớn, mời gọi bạn đọc khám phá. Và thật tuyệt vời khi những tác giả được coi là những đỉnh cao của thơ Đường đã đến với lớp học văn của chúng ta ngày hôm nay. Tôi xin trân trọng và vui mừng giới thiệu ba nhà thơ lớn được mệnh danh là “Tiên thơ”, “Thánh thơ” và “Phật thơ” của thơ đời Đường - Trung Quốc, đó là nhà thơ: Lí Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị.

**\* Hệ thống câu hỏi phỏng vấn các nhà thơ**

***Câu hỏi 1.*** Dạ thưa nhà thơ Lí Bạch – người được tôn là bậc “Tiên thơ”, xin nhà thơ cho biết thơ Đường có đặc điểm nào về nguồn gốc, về các thể thơ, dạng thơ?

***- Trả lời:***

+ Thơ Đường luật là một trong những thể loại văn chương xuất hiện từ rất sớm trong văn học Trung Quốc, đây cũng là một thể loại thơ phổ biến trong văn hoá thơ ca khu vực Đông Á thời trung đại. Thể thơ thất ngôn bát cú là cổ thi, xuất hiện sớm ở Trung Quốc. Đến đời nhà Đường mới được các nhà thơ đặt ra quy định cụ thể, rõ ràng kéo dài trong chế độ phong kiến.

+ Về hình thức, thơ Đường luật có các dạng: thất ngôn bát cú - được xem là dạng chuẩn; biến thể có các dạng như thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú cũng như các dạng ít phổ biến khác.

***Câu hỏi 2.*** Thưa “Thánh thơ” Đỗ Phủ! Thơ Đường được coi là thể thơ có hệ thống quy tắc khá phức tạp. Vậy xin nhà thơ hãy giải thích rõ đặc điểm về bố cục, niêm và luật trong một bài thơ Đường!

***- Trả lời:***

+ Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: đề, thực, luận, kết; mỗi phần có hai câu (gọi là liên). Hai câu đề có nhiệm vụ mở bài, giới thiệu vấn đề mà bài thơ đề cập. Hai câu thực nêu hiện tượng, sự vật, làm rõ hơn ý của đề bài được đưa ra ở hai câu đề; Hai câu luận phát triển rộng thêm ý của bài, có chức năng luận bàn về vấn đề được nói đến ở các câu trên. Hai câu kết có vai trò kết thúc ý toàn bài, thể hiện cảm xúc của nhà thơ; có khi hai câu kết còn mang chức năng gợi mở, gợi ra ý mới để suy nghĩ tiếp;

+ Bố cục của bài thơ tứ tuyệt gồm 4 phần: Khởi, thừa, chuyển, hợp (Câu khởi: Câu khởi có chức năng mở bài, gợi mở ý thơ; Câu thừa nối tiếp câu khởi để làm trọn vẹn ý thơ; Câu chuyển có nhiệm vụ chuyển ý thơ từ việc phản ánh các sự vật, hiện tượng ở hai câu đầu sang phần gợi mở về bản chất, nguyên nhân của sự vật, hiện tượng được phản ánh; Câu hợp kết hợp với câu chuyển làm cô đúc ý thơ, thể hiện nỗi niềm của tác giả)

+ Niêm: nghĩa đen là dính, vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau theo nguyên tắc: Ở bài bát cú thì âm tiết (chữ) thứ hai của các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 phải cùng thanh (niêm) với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 và 4, 2 và 3.

+ Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất mang thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc.

***Câu hỏi 3.*** Xin chào nhà thơ Bạch Cư Dị - người tôn vinh là “Phật thơ”! Xin nhà thơ cho biết đặc điểm trong vần, nhịp, đối của một bài thơ Đường có gì đặc biệt?

***- Trả lời:***

+ Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần trắc. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1, 2, 4.

+ Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 (với thơ thất ngôn) hoặc 2/3 (với thơ ngũ ngôn).

+ Đối: Trong thơ Đường luật, ở phần thực và luận, các chữ ở các câu thơ phải đối nhau về âm, về từ loại và về nghĩa; ví dụ: chữ vần bằng đối với chữ vần trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,…

***Câu hỏi 4.*** Xin các nhà thơ cho biết, để có thể hiểu được giá trị nội dung cũng như những đặc sắc nghệ thuật của một bài thơ Đường, người học sinh cần phải có kĩ năng đọc hiểu như thế nào?

***- Trả lời:***

+ Đọc nhanh văn bản để nhận diện, xác định thể loại, các từ khó và nội dung bao quát của văn bản.

+ Đọc kĩ, xác định và phân tích kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các biện pháp tu từ, phép đối, nhãn tự,… và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tư tưởng, quan niệm về con người, cuộc sống một cách kín đáo, tinh tế trong văn bản.

+ Xác định được chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm đến bạn đọc.

+ Liên hệ, kết nối với bản thân và cuộc sống về những vấn đề văn bản gợi mở.

***Câu hỏi 5.*** Để kết thúc buổi trò chuyện hôm nay, xin các nhà thơ cho biết thêm một số thông tin khác về thơ Đường và sự ảnh hưởng của nó đến các sáng tác thơ văn Việt Nam.

 ***- Trả lời:*** Thơ Đường là tinh hoa của văn học Trung Quốc, là thành quả rực rỡ của một thời đại văn chương một đi không trở lại, không chỉ với Trung Hoa mà với toàn thế giới. Ảnh hưởng của nó đến với văn hóa, văn chương các nước trên thế giới cũng như khu vực rất sâu sắc. Vì văn chương chính thống, giáo dục và hệ thống khoa cử thời trung đại đều sử dụng tiếng Hán, nên từ lâu người Việt Nam đã sáng tác thơ văn bằng tiếng Hán trong đó có thơ theo luật Đường. Nguyễn Thuyên là người đầu tiên đưa tiếng Việt vào thơ văn, đặt ra thể thơ Hàn luật, là sự kết hợp thơ Đường luật với các thể thơ khác của dân tộc Việt. Thể loại thơ này của Việt Nam kéo dài từ thời nhà Trần cho đến nửa đầu thế kỉ XX.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (110p)**

***a. Mục tiêu:***

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Hán trong bài thơ *Nam quốc sơn hà* (bố cục, số tiếng, số dòng, vần, nhịp, niêm, luật, nghệ thuật đối,…)

- Phân tích được những nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ: giọng thơ, ngôn ngữ, dẫn chứng…để thấy được nội dung và cảm xúc đặc biệt trong bài thơ.

- Hiểu được có giá trị to lớn của bài thơ - là một trong những tác phẩm mở đầu cho chủ đề yêu nước chống ngoại xâm mang tính truyền thống trong văn học Việt Nam. Đồng thời, qua bài thơ hiểu được khát vọng khẳng định độc lập dân tộc đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử Việt Nam. Từ đó, bồi đắp niềm tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

- Củng cố cách đọc bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm, nêu vấn đề và KTDH động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫnHS đọc hiểu văn bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* HĐ1: Tìm hiểu bối xuất hiện bài thơ*****Bước 1. Giao nhiệm vụ:**- GV đặt câu hỏi: Qua các tài liệu đã tìm hiểu, hãy trình bày bối cảnh xuất hiện bài Sông núi nước Nam và cho biết: Vì sao bài thơ được gọi là Thơ thần? Nhan đề bài thơ.**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia sẻ những thông tin tìm hiểu được theo nhóm cặp.**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi trước lớp**Bước 4. Kết luận, nhận định:** - GV lắng nghe, tổng hợp và bổ sung thêm những thông tin về xuất xứ, bối cảnh ra đời bài thơ cũng như lí giải vì sao bài thơ được gọi là Thơ thần:+ Xuất xứ: Bài thơ Sông núi nước Nam được ghi chép trong các sách như *Việt điện u linh tập* (Tập truyện về cõi u linh của đất Việt, 1329), *Lĩnh Nam chích quái* (Lựa chọn những chuyện quái lạ ở Lĩnh Nam, cuối thế kỉ XIV) và *Đại Việt sử ký toàn thư.*+ Các nhà nghiên cứu cho rằng bài thơ Thần có lẽ được sáng tác bởi một trong các trí thức nổi tiếng thời đó, giấu tên tác giả, gán cho các thần linh để tạo sự linh thiêng nhằm mục đích khích lệ tinh thần tướng sĩ quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trước sự xâm lược của kẻ thù. + Bài thơ trở nên linh thiêng và được coi như bài thơ của thần linh đất Việt hiện hiển cùng con cháu đánh giặc, giữ nước.*(GV cho HS hiểu thêm về hoàn cảnh xuất hiện bài thơ và cảm nhận thêm về không khí lịch sử hào hùng qua đoạn video giới thiệu về bối cảnh xuất hiện bài thơ:* [*https://www.youtube.com/watch?v=i4kVQh-ZiP0*](https://www.youtube.com/watch?v=i4kVQh-ZiP0)*) CĂT VIDEO ĐẾN 1P23* | **I. Tìm hiểu chung về bài thơ (35p)*****1. Kiến thức ngữ văn******2. Tác giả, tác phẩm:******a. Tác giả: khuyết danh******b. Tác phẩm:******\* Bối cảnh xuất hiện bài thơ***- Lê Đại Hành năm 981 và Lý Thường Kiệt năm 1076 đã sử dụng bài thơ trong các cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu).- Bài thơ được gọi là Thơ thần là do truyền thuyết kể lại chuyện Lê Đại Hành và Lý Thường Kiệt cho người nấp vào đền thờ hai vị anh hùng dân tộc, đồng thời là hai vị thần sông Như Nguyệt là Trương Hống và Trương Hát để giả giọng thần đọc bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Bài thơ được đọc hùng hồn giữa đêm vắng, âm vang trên dòng sông linh thiêng đã khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ Đại Việt khiến quân thù run sợ mà tan vỡ.***\* Nhan đề:***- Bài thơ vốn không có nhan đề, sau này một số sách ghi tên tác giả là Lý Thường Kiệt và đặt tên bài thơ là Nam quốc sơn hà.  |
| ***\* HĐ2: Tìm hiểu cách đọc và giải thích từ khó.*****Bước 1. Giao nhiệm vụ:**- GV nêu yêu cầu: Theo em, cần lưu ý gì khi đọc bài thơ Nam quốc sơn hà? (ngắt nhịp, giọng điệu...ở phần phiên âm và dịch thơ)- HS đưa ra ý kiến về cách đọc bài thơ dựa trên bảng kiểm sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  |
| Ngắt nhịp đọc hợp lí |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp |  |  |
| Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ  |  |  |

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ - GV gọi 2-3 HS đọc bài thơ, HS khác nghe và nhận xét cách đọc**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** -Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. -HS đọc diễn cảm. Các HS khác đánh giá kết quả đọc theo bảng kiểm đã công bố.**Bước 4. Kết luận, nhận định:** -GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động *Trải nghiệm cùng VB*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này. -GV nhận xét kết quả đọc diễn cảm và cách HS đánh giá đồng đẳng ở hoạt động này.Tổ chức tìm hiểu một số từ ngữ khó trong bài thông qua BT ghép nối sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khó** | **Nối** | **Giải nghĩa** |
| 1. Nam quốc |  | a. ở (với nghĩa là làm chủ, độc lập). |
| 2. Nam đế |  | b. nước Nam, chỉ nước ta khi đó, để phân biệt với Bắc quốc (Trung Quốc). |
| 3. Cư |  | c. hoàng đế, vua nước Nam. |
| 4. Định phận |  | d. chuốc lấy, nhận lấy thất bại |
| 5. Thiên thư |  | e. địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng.  |
| 6. Thủ bại hư |  | f. sách trời |

Dự kiến: - Hướng dẫn đọc: ngắt nhịp 4/3, giọng thơ hào sảng, hùng hồn, đanh thép; nhấn giọng ở một số từ, cụm từ (cư, thiên thư, thủ bại hư)- Các từ khó: (1) *Nam quốc*: nước Nam, chỉ nước ta khi đó, để phân biệt với Bắc quốc (Trung Quốc). (2) *Nam đế*: hoàng đế, vua nước Nam. Trong chữ Hán còn có chữ vương, chỉ vua chư hầu. Đế, tức hoàng đế, là vua của một nước độc lập, ngang hàng với hoàng đế Trung Hoa. Thời trung đại, đế là đại diện cho quốc gia, dân tộc. (3) *Cư*: ở (với nghĩa là làm chủ, độc lập). Một số bản dịch khác dịch là ngự trị, cai quản, gánh vác,… cũng với nghĩa làm chủ. (4) *Định phận*: địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng. (5) *Thiên thư*: sách trời (ngụ ý trên đó ghi nhận cương vực, lãnh thổ của nước Nam ta). (6) *Thủ bại hư*: chuốc lấy, nhận lấy thất bại | ***3. Hướng dẫn đọc******a. Đọc hiểu chú thích:*** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:** *Xác định đề tài, thể thơ và bố cục của bài thơ.***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS độc lập thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.**Bước 3. Báo cáo kết quả thảo luận:**GV gọi 2-3 HS chia sẻ câu trả lời; HS khác lắng nghe, bổ sung.**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV chốt kiến thức về thể thơ và bố cục bài thơ (lưu ý về bố cục 4 phần thông thường của bài thơ thất ngôn tứ tuyệt) | ***b.* Đặc điểm thể loại**- Đề tài: Tinh thần yêu nước- Thể thơ: Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Hán.- Bố cục: 2 phần (hai câu đầu và hai câu cuối) |
| ***Tiết 2***- **Bước 1. Giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS làm việc độc lập hoàn thành các nội dung PHT số 1 trong thời gian 5 phút.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1****Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trong bài thơ *Sông núi nước Nam*** |
| **Đặc trưng****thể loại** | **Biểu hiện****trong văn bản** |
| 1. Số dòng, số chữ |  |
| 2. Luật |  |
| 3. Vần |  |
| 4. Nhịp |  |
| 5. Niêm |  |
| 6. Đối |  |

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động độc lập hoàn thành PHT số 2 theo hướng dẫn của GV.- **Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:**GV gọi1-2 HS chiếu PHT và trình bày kết quả thảo luận, HS khác nhận xét, bổ sung.**- Bước 4. Kết luận, nhận định:**GV nhận xét, chốt đáp án, nhấn mạnh tính mẫu mực về đặc trưng thể loại của bài thơ *Nam quốc sơn hà.* | **II. Đọc hiểu văn bản (45p)*****1*. Các yếu tố hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trong bài thơ *Sông núi nước Nam***

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc trưng thể loại** | **Biểu hiện****trong văn bản** |
| 1. Số dòng, số chữ | Gồm 4 dòng, mỗi dòng 7 chữ |
| 2. Luật | Tiếng thứ hai của câu thơ thứ nhất là “*quốc*” mang thanh trắc 🡪 bài thơ thuộc luật trắc |
| 3. Vần | Gieo vần ở tiếng cuối của các câu 1,2,4: *cư – thư – hư* |
| 4. Nhịp | 4/3 |
| 5. Niêm | - Tiếng thứ 2 của dòng 1,4 cùng mang vần trắc: *quốc - đẳng*- Tiếng thứ 2 của dòng 2-3 cùng mang vần bằng: *nhiên - hà* |
| 6. Đối | Tiểu đối trong từng câu thơ:Nam quốc sơn hà/Nam đế cư |
| => Là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Hán mẫu mực. |

 |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm lớn thực hiện các yêu cầu trong PHT sau:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2*****Nội dung tư tưởng, tình cảm, cảm xúc trong bài thơ*** |
| **Các dòng thơ** | **Từ ngữ, hình ảnh, đặc sắc nghệ thuật** | **Nhận xét** |
|  Hai câu đầu(Nhóm 1,2) | - Các từ ngữ *“Nam quốc”, “Nam đế”*, *“tiệt nhiên”, “định phận”, “thiên thư”* thể hiện điều gì? - Chỉ rõ vế đối và việc sử dụng thanh điệu trong câu thơ thứ hai? | - Nhận xét về từ ngữ, giọng điệu của hai câu thơ đầu?- Qua đó, hai câu thơ đã khẳng định điều gì? |
| Hai câu cuối(Nhóm 3,4) | Giải nghĩa các từ ngữ: *nghịch lỗ, như hà, lai xâm phạm, nhữ đẳng, thủ bại hư* | - Các từ ngữ và giọng điệu cho thấy điều gì?- Cảm nhận về thái độ, cảm xúc của người viết trong hai câu cuối. |
| \* Nhận xét về mối quan hệ giữa hai câu đầu và hai câu cuối.\* Vì sao bài thơ được coi là “bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên” của nước ta? |

-Thời gian: 10 phút. Sau 7 phút các nhóm chuyển sản phẩm chấm chéo- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS hình thành nhóm, nhận PHT và thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV; GV theo dõi, hỗ trợ quá trình thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.- **Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.- **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, nhận xét, chốt kiến thức trọng tâm và bình về những nét nghệ thuật đặc sắc và giá trị tư tưởng trong bài thơ. | ***2.* Từ ngữ- hình ảnh- biện pháp tu từ và cảm xúc trữ tình:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Từ ngữ, hình ảnh, đặc sắc nghệ thuật** | **Nhận xét** |
| **Hai câu đầu** |  - *Nam quốc, Nam đế*: lãnh thổ nước Nam đã có chủ và là một quốc gia độc lập, không phụ thuộc vào bất cứ quốc gia nào khác.- *tiệt nhiên, định phận, thiên thư*: xác nhận quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó đã được trời, đất quy định, chứng giám.- Phép đối xứng: *Nam quốc sơn hà/ nam đế cư*- 4 thanh trắc (*tiệt, định, phận, tại*) 🡪 tạo âm hưởng cho câu thơ đanh, chắc. | 🡪 Từ ngữ đanh thép, phép đối xứng nhịp nhàng, kết hợp với giọng điệu hùng hồn đã khẳng định rõ ràng, chắc chắn như một chân lý về chủ quyền quốc gia nước Nam. |
| **Hai câu cuối** | - *nghịch lỗ* (kẻ ngạo ngược): chỉ quân xâm lược. - *Như hà* (cớ sao): truy xét tội của kẻ xâm lược. - *lai xâm phạm*: dám xâm phạm vào đất nước đã có chủ.- *Nhữ đẳng* (chúng bay): gọi một cách khinh bỉ.- *thủ bại hư*: nhất định (chúng bay) sẽ chuốc lấy sự bại vong. | 🡪 Sử dụng những từ ngữ chắc nịnh, mạnh mẽ cùng giọng điệu cứng rắn, kiên quyết: lời cảnh cáo, răn đe kẻ thù cùng quyết tâm bảo vệ độc lập và niềm tin tất thắng của nhân dân ta. Đồng thời, thể hiện rõ thái độ giận dữ, niềm uất hận đối với kẻ thù ngang tàng đi ngược lại chân lí, phạm phải ý trời.  |
|  \* Mối quan hệ giữa hai câu đầu và hai câu cuối: Hai dòng đầu là cơ sở, nền tảng mang tính pháp lý, khách quan để khẳng định sức mạnh, niềm tin được thể hiện ở hai dòng sau. 🡪 mối quan hệ nhân quả. |
| \* Bài *Sông núi nước Nam* được coi là “bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên” của dân tộc bởi bài thơ đã hội tụ những lý lẽ khách quan khẳng định quyền độc lập dân tộc, quyền tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ và ý chí của cả một dân tộc quyết tâm bảo vệ những điều thiêng liêng bất khả xâm phạm đó. |

 |
| ***GV bình:*** *Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt hàm súc và cô đọng, chỉ vỏn vẹn hai mươi tám chữ nhưng lại ẩn chứa những tư tưởng và tình cảm lớn lao: khẳng định độc lập chủ quyền dân tộc và nêu lên quyết tâm chiến đấu bảo vệ nền độc lập đó. Với những ngôn từ cô đọng, giàu sức gợi cảm: nam đế cư, nghịch lỗ, như hà… kết hợp hài hòa giữa biểu cảm và biểu ý, cùng với giọng thơ trang trọng, hào sảng, đanh thép, rắn rỏi, “Sông núi nước Nam” được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam mang đậm cảm hứng yêu nước. Bài thơ đã truyền cảm hứng về lòng tự hào dân tộc của người Việt Nam về chủ quyền thiêng liêng của dân tộc, về sức mạnh vĩ đại của người dân trong công cuộc đánh đuổi ngoại xâm. Chưa bao giờ trong văn học Việt Nam lại có một khí phách hào hùng như thế! Cảm xúc thơ thật mãnh liệt, tạo nên chất trữ tình chính luận- một đặc điểm của thơ ca thời Lí - Trần, khiến người đọc rưng rưng! Và ngàn đời sau, bài thơ vẫn là hồn thiêng sông núi vọng về.* |
| **Tiết 3: (45p)****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**? Bài thơ gợi lên trong em những tình cảm, cảm xúc gì?**- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ, viết ra mẩu giấy nhớ**-** HS chia sẻ sản phẩm với bạn**Bước 3. Báo cáo kết quả**: **GV** gọi các cặp/ nhóm bắt cặp, chia sẻ**Bước 4. Đánh giá kết quả:**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ.**+ Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.****+ Em hãy rút ra một số lưu ý khi đọc thơ Đường luật.**- HS tiếp nhận nhiệm vụ.- GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản “Sông núi nước Nam”; củng cố cách đọc hiểu văn bản thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS độc lập chuẩn bị câu trả lời trong thời gian 5 phút.- **Bước 3. Báo cáo kết quả**:GV gọi 3 - 4 HS bất kì trình bày câu trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.- **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức về nội dung và nghệ thuật của văn bản, và củng cố cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật. | **3. Cảm xúc trữ tình trong bài thơ**- Bài thơ thể hiện:+ Tình yêu nước mãnh liệt.+ Lòng tự tôn dân tộc sâu sắc.+ Quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước trước mọi kẻ thù xâm lược**III. Tổng kết (15p)*****1. Giá trị nội dung***- Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của đất nước, nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược và thể hiện niềm tin về sức mạnh của chính nghĩa.- Bài thơ được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta.***2. Giá trị nghệ thuật***- Thể thơ tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc- Hình thức văn nghị luận với lập luận chặt chẽ kết hợp hài hòa với cảm xúc mãnh liệt.- Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu hùng hồn, đanh thép, dõng dạc.***3. Cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật***- Đọc nhanh văn bản để nhận diện, xác định thể loại, các từ khó và nội dung bao quát của văn bản.- Đọc kĩ, xác định và phân tích kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các biện pháp tu từ, phép đối, nhãn tự,… và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tư tưởng, quan niệm về con người, cuộc sống một cách kín đáo, tinh tế trong văn bản.- Xác định được chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm đến bạn đọc. - Liên hệ, kết nối với bản thân và cuộc sống về những vấn đề văn bản gợi mở. |

**3. Hoạt động 3,4: Luyện tập, vận dụng (10p)**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức đã học để thể hiện suy nghĩ, tình cảm cá nhân qua nội dung tư tưởng của bài thơ; biết liên hệ kết nối với vấn đề trong cuộc sống hiện đại.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề để HS thực hiện các nhiệm vụ.

***c. Sản phẩm:*** Bài làm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu:

 (1) Trên lớp: *Theo em, nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay?*

 (2) Về nhà:*Tìm đọc thêm và ghi chép một số bài thơ có đề tài về truyền thống yêu nước của dân tộc.*

- HS thực hiện độc lập theo hướng dẫn của GV.

- GV gọi 3-4 HS chia sẻ câu trả lời của mình, HS khác lắng nghe.

- GV tổng hợp, nhận xét và đưa ra một số định hướng:

(1). Bài thơ khiến chúng ta thêm yêu quý, tự hào về sự kiêu hãnh, lòng tự tin của cha ông ta về chủ quyền quốc gia, về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc.

(2). Ý nghĩa của nội dung tư tưởng bài thơ với thế hệ trẻ ngày nay:

- Khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ bất khả xâm phạm của đất nước Việt Nam phù hợp với Hiến chương của Liên hợp quốc.

- Cho chúng ta lòng tự hào, tự tin vào truyền thống dựng nước, giữ nước của cha ông ta từ hàng nghìn năm trước.

- Nhắc nhở chúng ta nhiệm vụ bảo vệ đất nước và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

**\*Hướng dẫn HS học bài ở nhà và chuẩn bị cho bài sau:(5p)**

**Văn bản 2. Khóc Dương Khuê**

(1) Tìm hiểu phần Kiến thức ngữ văn về đặc điểm của thể thơ song thất lục bát để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(2) Đọc trước văn bản để tìm hiểu giọng đọc, nhịp điệu dòng thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm. …đồng thời lưu ý các lệnh/ câu hỏi ở bên phải văn bản.

(3) Chú ý xem bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát? Xác định đề tài, chủ đề và bố cục của bài thơ.

(4) Tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Nguyễn Khuyến và nhà thơ Dương Khuê (1839 – 1902).

PHT cần chuẩn bị:

***PHT 1A****:* Tìm hiểu về thể thơ song thất lục bát theo (lấy ví dụ minh họa).

|  |  |
| --- | --- |
| Khái niệm |  |
|  Số câu trong khổ |  |
| Ngắt nhịp |  |
| Gieo vần |  |

***PHT số 1B:***So sánh thể thơ lục bát và song thất lục bát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lục bát** | **Song thất lục bát** |
| Giống nhau |  |
| Khác nhau |  |  |

 **PHT SỐ 2: *Tìm hiểu chung văn bản***

|  |
| --- |
| ***KHÓC DƯƠNG KHUÊ*** |
| Tác giả | - Tên thật: - Quê quán: - Vị trí:  |
| Hoàn cảnh sáng tác của VB  |  |
| Thể loại  |  |
| Đề tài |  |
|  |  |

**PHT 3: Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng của thể thơ song thất lục bát trong VB:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Thể hiện trong văn bản:** |
| Số dòng,Số tiếng |  |
| Gieo vần |  |
| Ngắt nhịp (dẫn chứng qua 1 khổ) |  |
| **Kết luận** | **=>** |

**PHT 4:**

**a/**? Tình cảm của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong hai dòng thơ đầu? Cách sử dụng từ ngữ trong hai dòng ấy có gì đặc biệt?

**b/** “Những kỉ niệm nào về tình bạn đã được tác giả hồi tưởng? Chỉ rõ và nêu tác dụng giọng điệu và biện pháp nghệ thuật nổi bật của những dòng thơ đó.”

**PHT 5: Tìm hiểu Tâm trạng của nhà thơ (từ dòng 23 đến hết)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các dòng thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng, ý nghĩa** |
| Từ dòng 23-30 | Vd: Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ | ………………………… |
| Từ dòng 31 đến 34 | ………………………………… | ………………………… |
| Từ dòng 35 đến 38 | ………………………………… | ………………………… |
| \*Nhận xét chung: Khái quát những dấu hiệu nghệ thuật và việc sử dụng ngôn ngữ. Từ đó, nêu cảm nhận về những nét tâm trạng của nhà thơ?…………………………………………………………………………..……… |

**PHT 6:**

a/ Em hãy khái quát chủ đề của bài thơ và cho biết từ văn bản, em đã nhận ra những bài học ý nghĩa nào trong cuộc sống?

b/ Bài thơ Khóc Dương Khuê giúp em nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?